

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG BÚK
TỈNH ĐẮK LẮK**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2020/HS-ST
Ngày 11 - 5 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÚK, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trương Quang Chính;

Ông Y Mung Niê.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk tham gia phiên tòa:
Ông Lê Quý Tinh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 10/2020/TLST-HS ngày 26 tháng 3 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2020/QĐXXST-HS ngày 28/4/2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Văn H** (tên gọi khác: H Điếc), sinh năm 1991, tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Thôn A, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn Tn và bà Lê Thị L; bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Tại bản án hình sự phúc thẩm số 407/2014/HSPT ngày 27/10/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã xử phạt bị cáo 01 năm 09 tháng tù về tội *Cố ý gây thương tích*, ngày 29/6/2016 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 26/12/2019 đến ngày 04/01/2020 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, đến ngày 20/3/2020 bị bắt tạm giam về hành vi *Cố ý gây thương tích*, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Krông Búk - Có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Thôn H, xã Ng, huyện MX, tỉnh Sóc Trăng – Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng: Anh Trần Ngọc LM, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn T 6, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ 00 phút ngày 26/12/2019, H đang uống cà phê tại quán cà phê S N ở thôn Tân L, xã P, huyện K, thì có anh Trần Ngọc LM đến, H gọi LM vào cùng ngồi uống cà phê. Đến khoảng 09 giờ 30 phút cùng ngày, H nhờ anh LM chở đi ra xã C, huyện K để giải quyết công việc cá nhân và anh LM đồng ý.

Anh LM điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 83P3-278.50 (xe của chị Nguyễn Thị Tuyết M là chị dâu anh LM) chở H ngồi phía sau. Khi đi đến gần ngã ba trụ sở Ủy ban nhân dân xã C, thì H nói LM dừng xe lại và dặn LM đứng đợi. Sau đó, H xuống xe và đi về phía nhà Nguyễn Văn T, ở thôn N, xã C. Khi đến nhà T, thì toàn bộ cửa đóng kín nên H đã đi đến cửa sổ phía hông nhà T và gọi vào: “*Lấy cho một phen*”, đồng thời H nhét tờ tiền polime mệnh giá 500.000 đồng vào khe cửa sổ thì có người bên trong ném qua cửa sổ một gói giấy bạc bên trong có chứa ma túy ra gần chỗ H đứng, nhưng H không nhìn thấy người, không thấy mặt, không biết người ném gói giấy bạc ra là ai. Sau đó, H nhét gói giấy bạc bỏ vào túi quần jean phía sau bên trái đang mặc, rồi đi ra chỗ LM đang đợi và nhờ LM chở về lại xã P. Khi đi đến địa phận thôn Kt, xã C, huyện K thì bị Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về Kinh tế - Ma túy Công an huyện K phối hợp với Đội tuần tra giao thông của Trạm Cảnh sát giao thông K thuộc Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đắk Lắk yêu cầu dừng lại kiểm tra. Qua kiểm tra trên người H, tổ công tác phát hiện, thu giữ một gói giấy bạc màu trắng sẫm ở túi quần jean phía sau bên trái H đang mặc, bên trong chứa cục chất bột màu trắng, H khai nhận là Heroin.

Vật chứng của vụ án đã thu giữ gồm:

- 01 gói giấy bạc màu trắng sẫm, bên trong chứa cục chất bột màu trắng, tang vật được niêm phong, gửi giám định theo quy định;

- 01 xe mô tô biển kiểm soát 83P3-27850, nhãn hiệu SYM, màu sơn đen; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 149991, cấp ngày 16/10/2017 mang tên chị Nguyễn Thị Tuyết M, biển số đăng ký 83P3-27850.

Tại bản Kết luận giám định số 1076/GĐMT-PC09 ngày 03/01/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Cục chất bột màu trắng đựng trong một gói giấy bạc màu trắng sẫm được niêm phong gửi giám định là ma túy, có khối

lượng 0,2336 gam, loại: Heroine; mẫu vật còn lại sau giám định có khối lượng 0,2064 gam.

Tại bản cáo trạng số: 12/CT-VKS ngày 26/3/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk đã truy tố bị cáo Trần Văn H về tội *Tàng trữ trái phép chất ma túy* theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk đã truy tố.

Sau khi đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội do bị cáo gây ra, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk đã giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn H phạm tội *Tàng trữ trái phép chất ma túy*.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo Trần Văn H từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Đề nghị tịch thu tiêu hủy vật chứng là ma túy, mẫu vật hoàn lại sau giám định có khối lượng 0,2064 gam.

- Chấp nhận việc cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K đã trả lại chiếc xe mô tô biển kiểm soát 83P3- 27850 và Giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 149991, cấp ngày 16/10/2017 cho chị Nguyễn Thị Tuyết M là chủ sở hữu hợp pháp.

Bị cáo Trần Văn H không có ý kiến tranh luận đối với phần luận tội của Kiểm sát viên.

Bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đối với anh Trần Ngọc LM là người chở bị cáo đi mua ma túy vào sáng ngày 26/12/2019, nhưng anh LM không biết việc H đi mua ma túy, nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K không khởi tố là đúng quy định.

Đối với anh Nguyễn Văn T, theo bị cáo khai thì anh T là người đã bán ma túy cho bị cáo vào sáng 26/12/2019 nhưng không có căn cứ xác định anh T là người bán ma túy cho bị cáo nên Cơ quan cảnh sát điều tra không khởi tố là đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi,

quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là đúng quy định pháp luật.

[2] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 26/12/2019, bị cáo nhờ anh LM chở từ xã P đi đến xã C để giải quyết công việc cá nhân nhưng thực tế là bị cáo đi mua ma túy để sử dụng. Sau khi mua được ma túy, trở về đến địa phận thôn Kt, xã C, huyện K thì bị lực lượng chức năng bắt quả tang, thu giữ tang vật, kết quả giám định xác định gói ma túy thu giữ được trên người của bị cáo H có khối lượng 0,2336 gam, loại Heroine.

Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội *Tàng trữ trái phép chất ma túy*, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

.....

c) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

[3] Xét tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi của bị cáo gây ra, Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, xâm phạm trật tự, an toàn xã hội. Bị cáo là người có đầy đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, biết ma túy là chất gây nghiện và Nhà nước nghiêm cấm các hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Việc sử dụng ma túy không những gây ảnh hưởng đến sức khỏe bản thân bị cáo mà còn ảnh hưởng đến việc lây lan tình trạng nghiện ma túy trên địa bàn, đây cũng là một phần nguyên nhân dẫn đến những loại tội phạm khác nhưng vì muốn thỏa mãn cho nhu cầu của bản thân, bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi tàng trữ khối lượng 0,2336 gam ma túy, loại Heroine. Nên Cáo trạng truy tố bị cáo về tội *Tàng trữ trái phép chất ma túy* là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1] Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4.2] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu vì tại Bản án hình sự phúc thẩm số 407/2014/HSPT ngày 27/10/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã xử phạt bị cáo 01 năm 09 tháng tù về tội *Cố ý gây thương tích*. Ngày 29/6/2016 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù, các quyết định khác của bản án, đã được xóa án tích nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý.

[4.3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải đây là tình tiết giảm

nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, cần áp dụng cho bị cáo khi quyết định hình phạt là phù hợp.

[5] Về hình phạt: Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, xét về nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy, cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn để cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định mới đảm bảo tác dụng cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và răn đe, đấu tranh phòng ngừa chung loại tội phạm này trong xã hội.

[6] Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Cần tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định có khối lượng là 0,2064 gam và toàn bộ bao gói đựng mẫu vật (*có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 01/4/2020 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K với Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk*) là phù hợp.

Chấp nhận việc cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K đã trả lại chiếc xe mô tô biển kiểm soát 83P3- 27850 và Giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 149991, cấp ngày 16/10/2017 cho chị Nguyễn Thị Tuyết M là chủ sở hữu hợp pháp là có căn cứ.

[7] Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Cần buộc bị cáo Trần Văn H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Các vấn đề khác:

Đối với anh Trần Văn LM là người được bị cáo nói nhờ chở đi giải quyết công việc cá nhân nhưng thực tế là bị cáo đi mua ma túy về sử dụng, anh LM không biết việc bị cáo đi mua ma túy nên Cơ quan cảnh sát điều tra không xử lý đối với anh LM là phù hợp.

Đối với anh Nguyễn Văn T: Theo lời khai của bị cáo thì bị cáo mua ma túy từ anh T, nhưng bị cáo thừa nhận khi mua ma túy thì không nhìn thấy mặt, không nhìn thấy người, không biết người ném ma túy ra cho bị cáo có phải là anh T hay không. Quá trình điều tra, lấy lời khai của anh T, kết quả đối chất thì anh T không thừa nhận mình là người bán ma túy cho bị cáo nên không có căn cứ xác định anh T là người đã bán ma túy cho bị cáo nên việc Cơ quan cảnh sát điều tra không xử lý đối với anh T là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự;

1. Về tội danh:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn H (tên gọi khác: H Đięc) phạm tội *Tàng trữ trái phép chất ma túy*.

2. Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Trần Văn H (H Đięc) **01** (một) năm **03** (ba) tháng tù, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 26/12/2019 đến ngày 04/01/2020. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định có khối lượng là 0,2064 gam và toàn bộ bao gói đựng mẫu vật (*có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 01/4/2020 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K với Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk*).

- Chấp nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K đã trả lại chiếc xe mô tô biển kiểm soát 83P3- 27850 và Giấy chứng nhận đăng ký mô tô xe máy số 149991, cấp ngày 16/10/2017 cho chị Nguyễn Thị Tuyết M là chủ sở hữu hợp pháp.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trần Văn H phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng.
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Công an huyện K;
- Nhà tạm giữ CA huyện K;
- VKSND huyện Krông Búk;
- Chi cục THA DS huyện K;
- Bị cáo; Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký, đóng dấu)

Hoàng Văn Vân

